

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày: 07-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Ôn;

Ông Bùi Văn Thiệu

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 07/10/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 09 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Hồng V, sinh ngày 21/11/1986 tại thị trấn Vụ Bản, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng Q (đã chết) và bà Quang Thị K, sinh năm 1958; vợ là Ma Thị Thanh V, sinh năm 1988 và con là: Trần Thị Kim N, sinh năm 2009; Trần Hằng N, sinh năm 2014; Trần Bảo N, sinh năm 2019. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người chứng kiến:

Kim Thị T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/6/2020, Trần Hồng V đi xe buýt từ nhà đến thành phố H với mục đích tìm mua ma túy bán cho người khác kiếm lời. Tại thành phố H, bị cáo V gặp một người đàn ông không quen biết, qua trao đổi V mua được từ người đàn ông này 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy với giá 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Sau khi, V mang về nhà chia nhỏ rồi cất giấu tại nhà riêng và nhà mẹ đẻ là bà Quang Thị K (cạnh nhà V cũng là nơi ở của V) với mục đích bán lẻ kiếm lợi nhuận. Do V là đối tượng nghiện ma túy nên khoảng 15 giờ 20 phút ngày 14/6/2020, Công an huyện L phối hợp với công an thị trấn V, huyện L đến nhà V tiến hành triệu tập, gọi hỏi thì phát hiện và thu giữ tại đầu tấm đệm trong phòng ngủ của V 01 gói giấy bạc bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, hồng được V chuẩn bị để mang đi bán. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của V tại nhà riêng phát hiện thu giữ trên mặt bàn trong phòng ngủ của V: 03 gói giấy bạc bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng; 02 gói giấy bạc bên trong chứa tổng số 05 viên nén màu hồng; 01 cân điện tử nhãn hiệu MANLLORO đã qua sử dụng; 02 lưỡi dao lam bằng kim loại đã qua sử dụng trên lưỡi dao có ghi chữ CROMA; 11 mảnh giấy bạc có kích thước khác nhau. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của V tại nhà bà Quang Thị K phát hiện thu giữ tại nóc tủ trong phòng khách 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có chứa 03 gói giấy bạc, trong mỗi gói giấy bạc có chứa chất bột dạng cục màu trắng. V khai nhận, tất cả số vật chứng thu giữ nêu trên là ma túy của V được tàng trữ với mục đích bán lẻ kiếm lợi nhuận.

Tại kết luận giám định số 175/KLGD-CAT-PC09 ngày 31/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng, hồng trong gói giấy bạc trong phong bì 01 có khối lượng 0,16 gam, là ma túy loại Heroine và Methamphetamine; chất bột màu trắng dạng cục trong 03 gói giấy bạc ký hiệu gói 01, gói 02, gói 03 trong phong bì 02 có tổng khối lượng 0,56 gam là ma túy loại Heroine; chất bột màu trắng trong 03 gói giấy bạc trong phong bì 03 có tổng khối lượng 0,59 gam là ma túy loại Heroine; chất dạng viên nén hình trụ màu hồng trong 02 gói giấy bạc ký hiệu gói 04, gói 05 trong phong bì 02 có tổng khối lượng 0,48 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với vật chứng thu giữ được.

Theo Bản cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 17/09/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã quyết định truy tố bị cáo Trần Hồng V về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 17/09/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Trần Hồng V từ 36 đến 42 tháng tù. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ đối với bị cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; khoản 5 Điều Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vật chứng của vụ án gồm: Toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định; 01 cân điện tử nhãn hiệu MANLLORO đã qua sử dụng; 02 lưỡi dao lam bằng kim loại đã qua sử dụng trên lưỡi dao có ghi chữ CROMA; 11 mảnh giấy bạc có kích thước khác nhau hiện được chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện L đề nghị tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm a và c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a và c khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với bà Quang Thị K, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Hồng V nên đề nghị không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo V, do bị cáo trình bày không quen biết và qua quá trình điều tra chưa xác định được đề nghị khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của bị cáo Trần Hồng V tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người chứng kiến, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/06/2020, bị cáo có hành vi tìm mua và tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích bán lẻ kiếm lợi nhuận bị phát hiện bắt tang ngày 14/6/2020 tại phố Đ, thị trấn V, huyện L. Tiến hành

khám xét khẩn cấp nơi ở của V tại nhà riêng và nhà mẹ đẻ của V là bà Quang Thị K tại phố Đ, thị trấn V, huyện L phát hiện thu giữ ma túy được V tàng trữ với mục đích bán lẻ kiếm lợi nhuận. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của Trần Hồng V gồm: 0,16 gam hỗn hợp Heroine – Methamphetamine; 1,15 gam Heroine; 0,48 gam Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố bị cáo V theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hồng V là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho đời sống xã hội. Methamphetamine và Heroin là các chất ma túy rất độc hại, tàn phá và hủy hoại sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân chính phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác. Khi thực hiện hành vi, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức đầy đủ về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện- lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tệ nạn và các tội phạm về ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 24/09/2010, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 30/2010/HSST nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện tội phạm về ma túy.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình thuộc diện hộ nghèo là các tình tiết theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo, chưa có thu lợi về hành vi mua bán ma túy và đang nuôi con nhỏ. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Đối với bà Quang Thị K, quá trình điều tra xác định bà vắng mặt tại địa phương đã lâu và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX không đề cập xử lý.

[7] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho V, do V khai nhận không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của đối tượng bán ma túy nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý đối tượng này; cáo trạng không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng của vụ án gồm: Toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ; 01 cân điện tử nhãn hiệu MANLLORO đã qua sử dụng; 02 lưỡi dao lam bằng kim loại đã qua sử dụng trên lưỡi dao lam có ghi chữ CROMA; 11 mảnh giấy bạc có kích thước khác nhau hiện được chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Lềnh là công cụ phạm tội liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu để tiêu hủy theo điểm a và c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a và c khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác. Không nhất trí đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Hồng V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Hồng V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ- ngày 14/06/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm a và c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy đối với:

+ Toàn bộ số ma túy trong phong bì niêm phong mẫu giám định ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hòa Bình; Số 47 ngày 15/06/2020; Tên đối tượng: Trần Hồng V; Tên mẫu: Heroine và Methamphetamine; Số lượng: 09. Móp dán có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong là số ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 cân điện tử nhãn hiệu MANLLORO đã qua sử dụng; 02 lưỡi dao lam bằng kim loại đã qua sử dụng trên lưỡi dao có ghi chữ CROMA; 11 mảnh giấy bạc có kích thước khác nhau

(Các vật chứng nêu trên hiện được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 23/09/2020).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- UBND TT. V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Thiệu Bùi Văn Ớn

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)
 Ông (Bà)
 - *Thư ký phiên tòa:* Ông (Bà).....⁽⁶⁾
 - *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*⁽⁷⁾*tham gia phiên tòa:*
 Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.
 Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
 xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
 ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
 ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):
⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....
 Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
 vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....;
 con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con;⁽¹²⁾ tiền án....., tiền
 sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾
 - *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾
 Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,
 nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾
 - *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾

 - *Bị hại:*⁽¹⁷⁾

 - *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾

 - *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾

 - *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾

 - *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾

 - *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾

 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾

 - *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến
 vụ án:*⁽²⁴⁾

 - *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
 sự,.....):*⁽²⁵⁾

 - *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾
.....
(30)
.....
(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân

thăng án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TOÀ **HỘI THẨM NHÂN DÂN**

CHỦ TỌA PHIÊN

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

